

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2024**

I. Kinh phí hoạt động không thường xuyên (nguồn 12):	1.230.093.462 đồng
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	252.562.746 đồng
Chi khác	787.074.716 đồng
Tài sản và thiết bị khác	38.016.000 đồng
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	152.440.000 đồng
II. Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 13):	4.200.934.000 đồng
Lương theo ngạch, bậc	1.868.527.664 đồng
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	168.401.502 đồng
Phụ cấp chức vụ	51.939.000 đồng
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13.585.626 đồng
Phụ cấp ưu đãi nghề	637.784.932 đồng
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	9.126.000 đồng
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	403.339.208 đồng
Thưởng thường xuyên	18.954.000 đồng
Bảo hiểm xã hội	414.088.787 đồng
Bảo hiểm y tế	68.313.428 đồng
Kinh phí công đoàn	45.542.286 đồng
Bảo hiểm thất nghiệp	22.771.142 đồng
Các khoản đóng góp khác	11.385.567 đồng
Chi khác	36.000.000 đồng
Tiền điện	39.374.264 đồng
Tiền nước	59.700.000 đồng
Tiền vệ sinh, môi trường	1.400.560 đồng
Văn phòng phẩm	25.304.003 đồng
Cước phí điện thoại; thuê bao đường điện thoại; fax	869.972 đồng
Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	216.000 đồng
Khoản công tác phí	10.500.000 đồng
Thuê lao động trong nước	47.360.000 đồng
Thuê đào tạo lại cán bộ	28.100.000 đồng
Tài sản và thiết bị chuyên dùng	1.551.000 đồng
Các thiết bị công nghệ thông tin	22.598.000 đồng
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	22.879.700 đồng
Chi mua hàng hóa, vật tư	9.634.345 đồng
Chi khác	18.437.000 đồng
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	1.980.000 đồng
Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	39.507.232 đồng
Chi lập Quỹ phúc lợi	56.438.902 đồng
Chi lập Quỹ khen thưởng	5.643.890 đồng
Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	11.287.780 đồng
Chi hỗ trợ khác	28.392.210 đồng
III. Kinh phí hoạt động thường xuyên(nguồn 14):	2.530.809.853 đồng
Chi khác	2.530.809.853 đồng
IV. Kinh phí hoạt động không thường xuyên (nguồn 18):	95.931.998 đồng
Thường khác	95.931.998 đồng

Tân Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2025
Hiệu trưởng

Kế toán


NGUYỄN THANH HÀ




NGÔ THỊ THÚY VÂN

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON 6
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2024**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Mầm non 6 công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2024 như sau:

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng năm trước
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
3	Số thu phí, lệ phí nộp ngân sách				
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.338.303.000	8.057.769.313	97%	123%
I	Nguồn ngân sách trong nước				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	8.338.303.000	8.057.769.313	97%	123%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.200.934.000	4.200.934.000	100%	128%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.419.990.000	1.326.025.460	93%	84%
3.3	Nguồn cải cách tiền lương	2.717.379.000	2.530.809.853	93%	147%

Tân Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Hiệu trưởng

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Ngô Thị Thúy Vân